

Bản án số 48/2019/HS-ST
Ngày 30/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thế Dũng

Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với:

Bị cáo **Lý Văn L**, sinh ngày: 02/8/1998;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lý Văn C, sinh năm 1980 (Đã chết) và bà Quan Thị Ch, sinh năm 1977; Vợ Lương Thị O, sinh năm 2000 và có 01 (Một) con sinh năm 2019;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam từ ngày 20/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh C (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Ông Lý Văn L1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Viết Th, tên gọi khác: BQ, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do);

- Ông Phạm Tuấn A, tên gọi khác: Phạm Văn K, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ Y, thị trấn T, huyện N, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Tồn D, sinh năm 2003; Nơi cư trú: xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do);

Người đại diện theo pháp luật của ông Triệu Tồn D: Bà Triệu Mùi K1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

** Người làm chứng:*

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Triệu Mùi P, sinh năm 1972; Nơi cư trú: xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do);

Người phiên dịch cho bà Triệu Mùi P: Bà Vi Thị B, sinh năm 1977; Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do);

- Ông Bé Văn Ng, sinh năm 1963; Nơi cư trú: xóm L, xã H, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/10/2019 Lý Văn L đang ở nhà thì bị mẹ đẻ là Quan Thị Ch mắng chửi do bản thân L sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy, thường xuyên lấy đồ dùng trong nhà đi bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng. L tự ái, đã bỏ nhà đi đến nhà ông Lý Văn L1 cách nhà L khoảng 01km (Một kilomet) và ngủ qua đêm tại đó. Đến khoảng 09 giờ 00 ngày 09/10/2019, L ngủ dậy, không thấy có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, mục đích là mang đi bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng. L quan sát thấy có chìa khóa xe máy treo ở cột giữa nhà, gần bàn thờ L cầm lấy chìa khóa cho vào túi áo, sau đó L tìm túi nilon đi vào khu vực bếp đồ mỡ lợn đã chung từ trong chum đựng mỡ ra túi nilon. L xách túi nilon đựng mỡ đi theo cầu thang xuống gầm nhà sàn nơi để xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 11U1-049.88, dùng chìa khóa đã lấy ở cột nhà mở cốp xe cất túi nilon đựng mỡ vào trong cốp xe. Khi mở cốp xe, L thấy trong cốp xe có một số giấy tờ. Sau đó, L dùng chìa khóa tra vào ổ khóa điện bật mở khóa rồi điều khiển xe máy đi đến xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C bán túi nilon mỡ lợn vừa trộm được ở nhà ông L1 cho ông Triệu Tồn D với số tiền 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng), khi bán cân túi nilon mỡ có khối lượng là 3,2kg (Ba phẩy hai kilôgam). Số tiền bán mỡ mà có, L đem đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, L nảy sinh ý định mang xe máy đi cầm cố. Trên đường đi, do xe hết xăng nên L xin xăng của bà Triệu Mùi P được nửa chai thủy tinh xanh loại 65 mililit và mua xăng với ông Bé Văn Ng với số tiền 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, L điều khiển xe máy trộm cắp được đến thị trấn T, huyện N, tỉnh C để cầm cố xe máy nhưng

không cầm cố được. Tại đây, L gặp ông Phạm Tuấn A, ông A giới thiệu cho L một người bạn của ông A nhận cầm cố xe máy tại thành phố C, tỉnh C. Sau đó, L điều khiển xe máy chở ông T đến thành phố C gặp ông Nguyễn Viết Th để cầm cố xe máy với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, L quay về thị trấn T, huyện N. Đến ngày 15/10/2019, L bắt xe khách ra thành phố C, đến nhà của ông Th viết giấy bán xe cho ông Th với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và lấy thêm với Th số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau khi lấy được tiền, L quay về thị trấn T, huyện N đến ngày 18/10/2019, L bắt xe khách về thị trấn B, huyện B. Ngày 19/10/2019 L được triệu tập đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B để làm rõ hành vi trộm cắp của mình.

Ngày 21/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C ra yêu cầu định giá tài sản số 31 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh C. Tài sản định giá là: 01 (Một) xe máy Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 11U1-049.88, số máy 5C6J122893, số khung C6J0FY122888, xe cũ đã qua sử dụng. Theo Kết luận định giá tài sản số 30 ngày 24/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh C kết luận: Giá trị còn lại của xe máy định giá là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 06/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C ra yêu cầu định giá tài sản số 33 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh C. Tài sản định giá là: 3,2kg (Ba phẩy hai kilogam) mỡ lợn đã chưng, không truy thu được tang vật. Theo Kết luận định giá tài sản số 31 ngày 14/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh C kết luận: Giá trị của 3,2kg (Ba phẩy hai kilogam) mỡ lợn đã chưng là 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Lý Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình: Ngày 09/10/2019 lợi dụng nhà ông L1 không có ai ở nhà, chìa khóa xe máy treo ở cột nhà nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L lấy trộm xe máy biển kiểm soát 11U1-049.88 và mỡ lợn đã chưng của ông L1. Mỡ lợn L bán cho ông D với số tiền 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng); Xe máy L bán cho ông Th với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền do bán xe máy và mỡ lợn mà có L đã mua ma túy để sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Lý Văn L1 trình bày: Ngày 09/10/2019 ông đi ăn cỗ ở xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C thì vợ ông gọi điện báo L đã điều khiển xe máy biển kiểm soát 11U1: 049.88 ra khỏi nhà, có bà Hoàng Thị N nhìn thấy. Sau khi về đến nhà ông có đi tìm nhưng không thấy xe máy, đến chiều ngày 10/10/2019 ông đến trình báo tại Công an xã. Trong cốp xe máy có những giấy tờ sau: 01 (Một) sổ hộ khẩu, 02 (Hai) giấy chứng minh nhân dân của ông và vợ ông, 02 (Hai) giấy đăng ký mô tô xe máy; Ngày hôm sau ông mới phát hiện bị mất mỡ lợn trong chum. Ông đã nhận lại đủ số tài sản là xe máy và giấy tờ trong cốp xe. Đối với mỡ lợn ông không yêu cầu L bồi thường. Đề nghị cơ quan chức năng xử lý L theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra ông Nguyễn Viết Th trình bày: Ông không quen biết L, ngày 09/10/2019 bạn ông tên K đến nhà ông cùng một người đàn ông cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 11U1 - 049.88 với số tiền 3.500.000 đồng

(Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 15/10/2019 L đến bán hẳn chiếc xe cho ông với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), ông đưa thêm cho L 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khi mua ông có hỏi nguồn gốc xe máy, L nói xe của L, có giấy tờ kèm theo, ông không biết xe máy là do trộm cắp mà có. Ông đã nộp lại xe máy cho cơ quan điều tra Công an huyện B, ông không yêu cầu L bồi thường cho ông số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) ông đã mua xe.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Phạm Tuấn A trình bày: Ông không quen biết L, ngày 09/10/2019 ông đang chờ bắt xe khách ra thành phố C thì gặp L, Lưu nói cần cầm cổ xe máy nhưng không cầm cổ được. Ông cùng L ra thành phố C đến nhà bạn của ông (tên Th) cầm cổ xe của L được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), L cho ông 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông không biết xe máy L cầm cổ do trộm cắp mà có.

Trong quá trình điều tra ông Triệu Tồn D trình bày: Ông không quen biết L, ngày 09/10/2019 ông đang ở nhà thì L đi bộ đến gọi cửa để bán mỡ. Cân túi mỡ được 3,2kg (Ba phẩy hai kilôgam), L bảo bán 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) nhưng ông không đủ tiền nên chỉ trả 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng). Hiện nay số mỡ ông đã sử dụng hết cho việc nấu nướng, ông không biết mỡ lợn do L trộm cắp mà có.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bà Hoàng Thị N trình bày: Bà với Lý Văn L1 và Lý Văn L là hàng xóm. Khoảng 11 giờ ngày 09/10/2019 bà đang chăn trâu gần nhà ông L1 thì thấy L điều khiển xe máy của ông L1 đi từ phía nhà ông L1 ra. Bà nhận ra xe máy của ông L1 do xe máy đó ông L1 đã sử dụng nhiều năm. Khi gặp vợ ông L1 bà đã nói với vợ ông L1 về việc L đi xe máy của ông Luân.

Trong quá trình điều tra bà Triệu Mùi P trình bày: Bà có biết L vì gần làng với nhau, chiều ngày 09/10/2019 L đi bộ đến nhà bà hỏi mượn xăng vì xe của L hết xăng và hứa mai trả, bà cho con trai mút xăng từ xe của mình sang cho L được 1/3 chai thủy tinh loại 65mililit.

Trong quá trình điều tra ông Bé Văn Ng trình bày: Ông và L có quen biết nhau, ngày 09/10/2019 L điều khiển xe máy Yamaha sirius màu đỏ đến nhà ông mua xăng với số tiền 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Sau đó, L đi đâu thì ông không biết.

Đối với ông Triệu Tồn D, là người mua 3,2kg (Ba phẩy hai kilôgam) mỡ lợn chung, không biết mỡ lợn do trộm cắp mà có, số mỡ lợn gia đình cũng đã sử dụng hết, không có yêu cầu gì. Đối với ông Phạm Tuấn A, là người giới thiệu người mua xe máy cho L, không biết xe máy là do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý. Đối với ông Nguyễn Viết Th, là người mua xe máy với L, không biết xe máy do trộm cắp mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSBL ngày 12/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C đã truy tố bị cáo Lý Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Văn L theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lý Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười năm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu có yêu cầu bị cáo bồi thường thì khởi kiện vụ án dân sự riêng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lý Văn L trình bày: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết sau: Hành vi phạm tội của bị cáo không có sự chuẩn bị từ trước, hành động bộc phát nên nảy sinh trộm tài sản để bán lấy tiền. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt là 06 (Sáu) tháng tù giam.

Bị cáo Lý Văn L nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lý Văn L thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là 01 (Một) xe máy và 3,2kg (Ba phẩy hai kilogam) mỡ lợn đã chung của bị hại. Hội đồng định giá tài

sản kết luận: Giá trị của xe máy là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng); Mỡ lợn trị giá là 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 7.580.000 đồng (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Như vậy, hành vi của bị cáo Lý Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Lý Văn L theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Lý Văn L sinh ra và lớn lên tại xã Đ, huyện B, tỉnh C; Được gia đình nuôi ăn học đến lớp 10. Bị cáo là người có nhận thức, có sức khỏe lao động, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng lại sử dụng và lệ thuộc vào ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên xét cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông L1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Lý Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Lý Văn L 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày 20/10/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Lý Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A; Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Th, ông D); Bị cáo, bị hại, ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th, ông D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN